|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN AN LÃO**  **TRƯỜNG THCS TRƯỜNG SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 6**  **Năm học 2022-2023**  **Thời gian làm bài: 60 phút** |

**I.THIẾT LẬP MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ**

**1. Ma trận**

**a/ Phân môn Lịch sử**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL | TNTL |
| 1 | **1.Chương1: Vì sao cần học LS?** | 1. LS là gì? | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2, thời gian trong lịch sử. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **2.Chương2:**  **Xã hội nguyên thủy** | 1.Nguồn gốc loài người. | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |
| 2. Xã hội nguyên thủy. | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |
|  |  | 3. Chuyển biến về KT, XH cuối thời nguyên thủy. | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **3.Chương 3. Xã hội cổ đại** | 1. Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại. | 2 |  |  |  |  | 1 |  |  |  |
| ***Tổng*** | | | **8** |  |  | **1** |  | **1** |  |  |  |
| ***Tỉ lệ*** | | | 20% | | 15% | | 10% | | 5% | | 50% |
| **Tỉ lệ chung** | | | **35%** | | | | **15%** | | | | **50%** |

b/ Phân môn Địa lí

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ?**  **(0,25 điểm = 2,5%)** | - Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu.  - Những điều lí thú khi học môn Địa lí.  - Địa lí và cuộc sống. | 1  (0,25đ) |  |  |  |  |  |  |  | 1 câu TN  2,5%  0,25 điểm |
| **2** | **BẢN ĐỒ - PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**  **(2,5 điểm = 25%)** | - Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.  - Các yếu tố cơ bản của bản đồ.  - Các loại bản đồ thông dụng  - Lược đồ trí nhớ. | 4  (1,0 đ) |  |  | 1/2  (0,5 đ) |  | 1/2  (1,0 đ) |  |  | 4 câu TN  10%  1 điểm  1 câu TL  15%  1,5 điểm |
| **3** | **TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI**  **(2,25 điểm = 22,5%)** | - Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  - Hình dạng, kích thước Trái Đất.  - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí. | 3  (0,75đ) |  |  | 1/2  (1,0 đ) |  | 1/2  (0,5 đ) |  |  | 3 câu TN  7,5%  0,75 điểm  1 câu TL  15%  1,5 điểm |
| ***Tỉ lệ*** | | | ***20%*** | | ***15%*** | | ***15%*** | | | | **50%** |

**2. Bản đặc tả**

**a/ Phân môn Lịch sử**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chương 1**  **Vì sao phải học Lịch sử** | **1. Lịch sử là gì?** | **Nhận biết**  – Trình bày được môn lịch sử là gì?Người xưa làm ra lịch bằng cách nào? | 2 TN |  |  |  |
|  | **Chương 2**  **Thời nguyên thuỷ** | 1.Nguồn gốc loài người.  2. Xã hội nguyên thủy.  3. Chuyển biến về KT, XH cuối thời nguyên thủy. | **Nhận biết**  **-**Biết được quá trình tiến hóa từ vượn thành người trên Trái đất lần lượt trải qua các giai đoạn nào.Người tinh khôn xuất hiện cách ngày nay bao nhiêu triệu năm.  Hình thức tổ chức xã hội của người tối cổ, giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy.  **Thông hiểu**  **-**Hiểu được vai trò của lao động đối với đời sống người nguyên thuỷ  **Vận dụng cao**  Liên hệ vai trò của lao động trong xã hội hiện nay | 4 TN | ½ TL |  | ½ TL |
| **Chương 3**  **Xã hội cổ đại** | **1. Ai Cập và Lưỡng Hà** | **Nhận biết**  **-**Trình bày được điều kiện tự nhiên hình thành nên nền văn minh Lưỡng Hà.  - Người đứng đầu nhà nước Ai Cập.  **Thông hiểu**  – Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.  **Vận dụng**  Phân tích được điều kiện tự nhiên hình thành nên nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà. | 2 TN |  | 1TL |  |
| **Tổng** | |  |  | **8** | **1/2** | **1** | **1/2** |
| **Tỉ lệ %** | |  |  | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  |  | **35%** | | **15%** | |

**b/ Phân môn Địa lí**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng số câu/ Tỉ lệ %** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ?** | - Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu.  - Những điều lí thú khi học môn Địa lí.  - Địa lí và cuộc sống. | **Nhận biết**  - Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.  **Thông hiểu**  - Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt.  **Vận dụng**  - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí. | 1 TN |  |  |  |  |
|  | 1 câu TN  0,25 đ 2,5% |
| **2** | **BẢN ĐỒ - PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT** | - Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.  - Các yếu tố cơ bản của bản đồ.  - Các loại bản đồ thông dụng  - Lược đồ trí nhớ. | **Nhận biết**  - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: Kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.  - Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.  **Thông hiểu**  - Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.  **Vận dụng**  - Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.  - Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.  - Biết tìm đường đi trên bản đồ.  - Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh. | 4 TN | 1/2 TL  (câu 1a) | 1/2 TL (1b) |  | 4 câu TN  1 điểm  10%  1 câu TL  1,5 điểm 15% |
| **3** | **TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI** | - Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  - Hình dạng, kích thước Trái Đất.  - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí. | **Nhận biết**  - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  - Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.  - Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời.  **Thông hiểu**  - Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ).  - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau.  - Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.  **Vận dụng**  - Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.  - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. | 3 TN | 1/2 TL (2a) |  | ½ TL  (2b) | 3 câu TN  7,5%  0,75 điểm  1 câu TL  15%  1,5 điểm |
| **Tổng số câu** | | |  | **8 câu TNKQ** | **1 câu TL (Câu 1a,**  **Câu 2a)** | **1/2 câu TL**  **(Câu 1b)** | **1/2 câu TL**  **(Câu 2b)** | **8 câu TN**  **2 câu TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** | ***50*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **35** | | **15** | | **50** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | UBND HUYỆN AN LÃO  **TRƯỜNG THCS TRƯỜNG SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 6-Năm học 2022-2023**  **Thời gian làm bài: 60 phút** |   Họ và tên học sinh:………………………………….; Lớp:…………… SBD:……   |  |  | | --- | --- | | Điểm | Lời phê của giáo viên |   **I/ Trắc nghiệm( 16 câu; 4,0 điểm)**  **Khoanh tròn chữ cái đầu câu em cho là đúng**  **Câu 1: Phân môn Lịch sử mà chúng ta được học là môn học tìm hiểu về**   1. **tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ.** 2. **những chuyện cổ tích do người xưa kể lại.** 3. **sự biến đổi của khí hậu qua thời gian.** 4. **quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người.**   **Câu 2. Dương lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động của**  A. Trái đất quanh mặt trời. B. Mặt trăng quanh trái đất.  C. Trái đất quanh trục của nó. D. Mặt trời quanh trái đất.  **Câu 3. Quá trình tiến hóa của loài người diễn ra như thế nào?**  A. Người tối cổ- Người cổ –Người tinh khôn.  B. Vượn người- Người tối cổ- Người tinh khôn.  C. Vượn - Tinh Tinh - Người tinh khôn.  D. Vượn người - Người tinh khôn - Người tối cổ.  **Câu 4. Người tinh khôn xuất hiện cách ngày nay khoảng**  A. khoảng 3 triệu năm.  B. khoảng 5- 6 triệu năm.  C. khoảng 15 vạn năm trước. D. khoảng 6- 7 triệu năm.  **Câu 5. Hình thức tổ chức xã hội của Người tối cổ là?**  A. bầy người nguyên thủy. B. công xã thị tộc.  C. nhà nước. D. làng, bản.  **Câu 6: Xã hội nguyên thuỷ đã trải qua những giai đoạn phát triển nào?**  **A**. Bầy người nguyên thuỷ, công xã thị tộc, bộ lạc.  B. Bầy người nguyên thuỷ, Người tinh khôn.  **C.** Bầy người nguyên thuỷ, Người tối cổ.  **D**. Bầy người nguyên thủy, công xã thị tộc.  **Câu 7. Lưỡng Hà là tên gọi vùng đất giữa hai con sông nào dưới đây?**  A. Sông Ấn và sông Hằng.  B. Sông Ơ-phơ-rát và Ti-gơ- rơ.  C. Sông Hồng và sông Đà.  D. Sông Hoàng Hà và sông Trường Giang.  **Câu 8**. Người đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại được gọi là  A. Pha- ra- ông. B. En-xi. C. Thiên tử. D. Hoàng đế.  **Câu 9.** Vai trò của Địa lí trong học tập là  A. giúp khai thác kiến thức môn Lịch sử và Địa lí  B. giúp xác định vị trí và tìm đường đi  C. giúp dự báo các hiện tượng tự nhiên (bão, gió…)  D. sử dụng trong quân sự  **Câu 10.** Bán cầu Bắc nằm ở vị trí   |  |  | | --- | --- | | A. phía dưới đường Xích Đạo. | C. phía bên phải của đường kinh tuyến gốc. | | B. phía trên đường Xích Đạo. | D. phía bên trái của đường kinh tuyến gốc. |   **Câu 11.** Kinh tuyến gốc là đường kinh tuyến   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. số 00. | B. số 900. | C. số 1800. | D. Số 3600. |   **Câu 12.** Bước đầu tiên cần làm khi đọc hiểu nội dung của một bản đồ bất kì là   |  |  | | --- | --- | | A. tìm phương hướng. | B. xem tỉ lệ bản đồ. | | C. đọc bản chú giải. | D. đọc đường đồng mức. |   **Câu 13.** Để thể hiện ranh giới quốc gia trên bản đồ, người ta dùng kí hiệu   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. điểm. | B. đường. | C. diện tích. | D. hình học. |   **Câu 14.** Trái Đất ở vị trí thứ mấy theo thứ tự xa dần Mặt Trời?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. Vị trí thứ 3. | B. Vị trí thứ 5. | C. Vị trí thứ 7. | D. Vị trí thứ 9. |   **Câu 15.** Trái đất có dạng   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. hình tròn. | B. hình cầu. | C. hình vuông. | D. hình elíp. |   **Câu 16**: Thời gian tự quay 1 vòng quanh trục của Trái Đất là   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | A. 6 giờ | B. 12 giờ | C. 24 giờ | D. 30 giờ |   **II. Tự luận ( 6 điểm)**  **Câu 1 (2 điểm)** : Lao động có vai trò như thế nào trong việc làm thay đổi con người và cuộc sống của người nguyên thuỷ? Em hãy liên hệ vai trò của lao động đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay?  **Câu 2 (1điểm):** Theo em, điều kiện tự nhiên nào quan trọng nhất dẫn đến sự hình thành các nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà?  **Câu 3. (1,5 điểm)**   1. Xác định tọa độ địa lí của các điểm A, B trên hình 4.   Xác định tọa độ địa lí của các điểm A, B, C trên hình 4  b. Trên một tờ bản đồ có tỉ lệ 1: 1 000 000 người ta đo được khoảng cách từ thành phố A đến thành phố B là 5 cm. Tính khoảng cách tương ứng ngoài thực tế (ki-lô-mét).  **Câu 4. (1,5 điểm)**  a. Dựa vào kiến thức đã học, hãy trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất?  b. Sea Games 31 diễn ra tại Việt Nam (múi giờ số 7), trận bóng đá giữa Việt Nam và Thái Lan diễn ra tại sân vận động Mỹ Đình (Hà Nội) lúc 19 giờ 00 phút ngày 22/5/2022. Hỏi lúc đó tại Nhật Bản (múi giờ số 9) là mấy giờ?  **Bài làm**   |  | | --- | | **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6** |   **I/ Trắc nghiệm( 16câu; 4 điểm)**  **ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | | **Đáp Án** | **D** | **A** | **B** | **C** | **A** | **D** | **B** | **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | | **Đáp án** | A | B | A | C | B | A | B | C |   *(Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)*  **II/ Tự luận( 6 điểm)**   1. Tự luận  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **CÂU** | **ĐÁP ÁN** | **Điểm** | | 1  ( 2 đ) | a) Trong quá tình lao động, tìm kiếm thức ăn và cải tiến công cụ lao động, đôi bàn tay của người nguyên thủy dần trở nên khéo léo hơn, cơ thể cũng dần biến đổi để trở thành Người hiện đại.. | 0.5 | | -Con người luôn tìm cách cải tiến công cụ lao động để tăng năng suất, kiếm được nhiều thức ăn hơn => nhu cầu cải tiến công cụ đã góp phần quan trọng kích thích sự phát triển của tư duy sáng tạo ở con người… | 0.5 | | - Nhờ lao động, con người đã từng bước tự cải biến và hoàn thiện mình và làm cho đời sống ngày càng phong phú hơn. | 0,5 | | *b) HS tự liên hệ*  - Giúp con người tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần nuôi sống bản thân, gia đình, góp phần xây dựng, phát triển xã hội  - Giúp con người làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống của chính mình, đem đến cho con người niềm vui, tìm thấy được ý nghĩa thực sự của cuộc sống. | 0.5 | | 2  ( 1 đ) | -Theo em, điều kiện tự nhiên quan trọng nhất dẫn đến sự hình thành các nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà là trên lưu vực những con sông lớn.  Ngoài việc cung cấp nước tưới tiêu cho sản xuất và sinh hoạt, hằng năm các dòng sông còn bồi đắp thêm phù sa màu mỡ phát triển nông nghiệp. Ngoài ra, chính các con sông là những con đường giao thông quan trọng gắn kết các vùng, tạo nên một nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà | 0.5  0,5 |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **CÂU** | **ĐÁP ÁN** | **ĐIỂM** | | 3  ( 1,5 đ) | **a. Tọa độ địa lí của***:* **(0,5 điểm)** | | | - Điểm A (600B, 1200Đ).  - Điểm B (23027’B, 600Đ). | 0,25  0,25 | | **b. Tính khoảng cách ngoài thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ (1,0 điểm)** | | | - Bản đồ có tỉ lệ 1:1 000 000 nghĩa là: Cứ 1cm trên bản đồ tương ứng với 1 000 000 cm ngoài thực tế.  - Vậy khoảng cách từ A đến B ngoài thực tế là:  5 x 1 000 000 = 5 000 000 cm = 50 km. | 0,5  0,5 | | 4  ( 1,5 điểm) | **a. Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất: (1,0 điểm)** | | | - Trái Đất có dạng hình cầu nên lúc nào cũng chỉ được Mặt Trời chiếu sáng một nửa.  + Nửa được chiếu sáng gọi là ban ngày.  + Nửa nằm trong bóng tối gọi là ban đêm.  - Trái Đất luôn vận động tự quay quanh trục hướng từ tây sang đông nên khắp mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm luân phiên nhau. | 0,25  0,25  0,25  0,25 | | **b. Tính giờ khu vực: (0,5 điểm)** | | | - Chênh lệch múi giờ giữa Việt Nam và Nhật Bản là: 9 - 7 = 2 (múi).  **-** Trận bóng đá giữa Việt Nam và Thái Lan diễn ra tại sân vận động Mỹ Đình (Hà Nội) lúc 19 giờ 00 phút ngày 22/5/2022 thì lúc đó tại Nhật Bản có số giờ là:  19 + 2 = 21 (giờ) | 0,25  0,25 | |